| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THÁI THỤY**<br>**TỈNH THÁI BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2022/DS-ST
Ngày 30/12/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Ngô Thế Tương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-DS ngày 10/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-DS ngày 09/12/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Quỹ tín dụng nhân dân P.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Y, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Quách Thị Lan A - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện Y, tỉnh Thái Bình.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà Phạm Thị Nhuần, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện Y, tỉnh Thái Bình.

*(Bà Quách Thị Lan A có mặt; ông Nguyễn Minh Đ và bà Phạm Thị Nn vắng mặt tại phiên tòa)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án*

*và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 28/10/2014 Quỹ tín dụng nhân dân P có ký hợp đồng tín dụng số 2014/1/341/HĐTD với bên vay vốn là hộ gia đình, đại diện vay ông Nguyễn Minh Đ, người thừa kế là Phạm Thị N (vợ ông Đ). Quỹ tín dụng cho hộ ông Đ vay số tiền 460 triệu đồng, thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 28/10/2014 đến ngày 28/10/2015, mục đích sử dụng tiền vay để buôn bán vật liệu xây dựng, lãi suất cho vay là 0,95%/tháng. Thời hạn trả nợ một lần vào ngày 28/10/2015 (cả gốc và lãi).

Tài sản thế chấp là 3 thửa đất, gồm:

- Thửa đất số 634, tờ bản đồ số 3, diện tích 140m$^2$ đất ở nông thôn; tại tờ bản đồ số 3, thôn B, xã S, huyện Y (Giấy chứng nhận số AH 140009, hợp đồng thế chấp đã được chứng thực và đã đăng ký thế chấp ngày 17/11/2014);

- Thửa đất số 635, tờ bản đồ số 3, diện tích 140m$^2$ đất ở nông thôn; tại tờ bản đồ số 3, thôn B, xã S, huyện Y (Giấy chứng nhận số AH 140010; hợp đồng thế chấp đã được chứng thực, đã đăng ký thế chấp ngày 17/11/2014);

- Thửa đất có diện tích 240m$^2$ tại thôn B, xã S, huyện Y (thửa số 190, tờ bản đồ số 03) đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích 100m$^2$. Có giấy xác nhận hiện trạng của chính quyền địa phương mang tên ông Nguyễn Minh Đ, bà Phạm Thị N.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Đ, bà N không trả tiền gốc, lãi vay đúng hạn, do vậy đến ngày 28/10/2015 ông Đ, bà N còn nợ khoản vay tổng là 513.168.000 đồng, trong đó nợ gốc là 460.000.000 đồng, nợ lãi là 53.168.000 đồng. Đến thời điểm trả nợ ngày 28/10/2015 thì ông Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, do vậy Quỹ tín dụng đã khoanh nợ từ ngày 28/10/2015. Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà Phạm Thị N phải liên đới thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền gốc 460.000.000 đồng, lãi trong hạn 53.168.000 đồng, tổng là 513.168.000 đồng.

Tuy nhiên tại phiên tòa, Quỹ tín dụng nhân dân P rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi 53.168.000 đồng; Quỹ tín dụng nhân dân P chỉ yêu cầu ông Nguyễn Minh Đ và bà Phạm Thị N phải liên đới thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền gốc 460.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi theo hợp đồng. Nếu ông Đ không thanh toán cho Quỹ tín dụng, đề nghị xử lý phát mãi tài sản bảo đảm là thửa đất số 634, 635 tờ bản đồ số 3, thôn B, xã S. Còn đối với thửa đất có diện tích 200 m$^2$ và nhà trên đất (chưa được cấp giấy chứng nhận) Quỹ tín dụng không đề nghị phát mãi để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Minh Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các văn bản tố tụng khác của vụ án nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã S ngày 07/11/2022 xác định: ông Nguyễn Minh Đ, bà Phạm Thị N đều có đăng ký hộ khẩu tại thôn B, xã S. Hiện tại ông Đ và bà N không có mặt tại địa phương, làm ăn sinh sống tại đâu thì địa phương không nắm rõ, nhưng ông bà vẫn thực hiện nghĩa vụ đóng thuế theo quy định của pháp luật. Nay Quỹ tín dụng khởi kiện ông Đ, bà N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, địa phương phối hợp thực hiện thủ tục niêm yết theo quy định.

Khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ: Tại hai thửa đất số 634, 635 tờ bản đồ số 3, thôn B, xã S, huyện Y, tỉnh Thái Bình không có tài sản trên đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 342, 343, 344, 350, 351, 355, 471, 474, 478 BLDS năm 2005; Điều 167, 188 Luật đất đai 2013; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà nước ban hành; Điều 147, 157 BLTTDS; điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Đ, bà N phải liên đới trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền nợ gốc là 460.000.000 đồng; đình chỉ đối với yêu cầu rút số tiền lãi 53.168.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu xử lý phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 634, tờ bản đồ số 3, diện tích 140m$^2$ đất ở nông thôn; tại tờ bản đồ số 3, thôn B, xã S, huyện Y (Giấy chứng nhận số AH 140009); Thửa đất số 635, tờ bản đồ số 3, diện tích 140m$^2$ đất ở nông thôn; tại tờ bản đồ số 3, thôn B, xã S, huyện Y (Giấy chứng nhận số AH 140010);

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí; Chấp nhận sự tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quỹ tín dụng nhân dân P yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan liên đới trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ông Nguyễn Minh Đ và bà Phạm Thị N đều cư trú tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

[2] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng tín dụng số 2014/1/341/HĐTD ngày 28/10/2014 được ký kết, thực hiện trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 khi giải quyết tranh chấp áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ, tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Về nghĩa vụ của đương sự trong vụ án: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa … nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi. Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Như vậy, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, tiếp cận chứng cứ của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 2014/1/341/HĐTD ngày 28/10/2014 được ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân P

và ông Nguyễn Minh Đ, bà Phạm Thị N đều tuân thủ các quy định tại Điều 121, 122, 124, 471, 474, 478 BLDS năm 2005; Điều 167, 188 Luật đất đai 2013; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng do NHNN ban hành. Khi thực hiện giao dịch có chữ ký xác nhận của các bên trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay cưỡng ép, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[5] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp số 314 ngày 27/10/2014 được ký giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Minh Đ, bà Phạm Thị N với bên nhận thế chấp là đại diện Quỹ tín dụng nhân dân P. Hợp đồng thế chấp tại Điều 1 được xác định để bảo đảm cho khoản vay trả nợ tiền vay, tiền lãi phát sinh theo HĐTD số 341 ngày 28/10/2014. Khoản 1 Điều 2 Tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp là thửa đất số 634, 635 tờ bản đồ số 3, thôn B, xã TC (nay là xã S), tuy nhiên ở nội dung sau của Điều 2 hợp đồng thể hiện ngoài hai thửa 634, 635 còn một thửa đất khác có diện tích 240m$^2$ đất ở, trên có nhà công trình trên đất cũng đưa vào thế chấp, nhưng không ghi rõ số thửa, tờ bản đồ.... Như vậy nội dung tài sản thế chấp có mâu thuẫn. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu xử lý 02 thửa đất có giấy chứng nhận là thửa 634, 635, không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai thửa đất số 634, 635 đã được làm thủ tục đăng ký thế chấp cho Quỹ tín dụng nhân dân xã P vào ngày 17/11/2014. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 140010 và AH 140009 đều chỉ đứng tên ông Nguyễn Minh Đ và đồng sở hữu là bà Phạm Thị N. Và cả hai ông bà đều ký vào Hợp đồng thế chấp, do vậy căn cứ theo quy định Điều 342, 343, 344, 350, 351 BLDS năm 2005 và Điều 167, 188 Luật đất đai 2013 thấy việc thế chấp trên là hợp pháp.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân P chỉ yêu cầu ông Đ và bà Phạm Thị N phải liên đới trả cho Quỹ tín dụng số tiền gốc 460.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, nếu ông Đ không thanh toán cho Quỹ tín dụng, đề nghị xử lý phát mãi tài sản bảo đảm là thửa đất số 634, 635 tờ bản đồ số 3, thôn B, xã S (02 thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đăng ký thế chấp); còn đối với thửa đất có diện tích 200 m$^2$ và nhà trên đất (chưa được cấp giấy chứng nhận) Quỹ tín dụng không đề nghị phát mãi để thu hồi nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chi trả chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và không yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 342, 343, 344, 350, 351, 355, 471, 474, 478 BLDS năm 2005; Điều 167, 188 Luật đất đai 2013, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà nước ban hành; Điều 147, 157 BLTTDS, điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân P.

Buộc ông Nguyễn Minh Đ và bà Phạm Thị N có nghĩa vụ liên đới trong việc thanh toán khoản nợ cho Quỹ tín dụng P số tiền nợ gốc 460.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng 2014/1/341/HĐTD ngày 28/10/2014 nêu trên.

Trường hợp ông Đ, bà N không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ trên cho Quỹ tín dụng nhân dân P thì Quỹ tín dụng nhân dân P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ: quyền sử dụng thửa đất số 634, tờ bản đồ số 3, diện tích 140m$^2$ đất ở nông thôn; tại tờ bản đồ số 3, thôn B, xã S, huyện Y (Giấy chứng nhận số AH 140009 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho ông Nguyễn Minh Đ và bà Phạm Thị N) và thửa đất số 635, tờ bản đồ số 3, diện tích 140 m$^2$ đất ở nông thôn; tại tờ bản đồ số 3, thôn B, xã S, huyện Y (Giấy chứng nhận số AH 140010 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho ông Nguyễn Minh Đ và bà Phạm Thị N). Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ trong hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu dư Quỹ tín dụng nhân dân P sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiếp tục trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền còn thiếu.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của Quỹ tín dụng nhân dân P đối với số tiền lãi: 53.168.000 đồng.

3. Về án phí: Bị đơn là ông Nguyễn Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.400.000 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền 12.300.000 (Mười hai triệu ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004238 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. Về quyền kháng cáo: Quỹ tín dụng nhân dân P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Nguyễn Minh Đ và bà Phạm Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự*
*- VKSND huyện Thái Thụy;*
*- VKSND tỉnh Thái Bình;*
*- TAND tỉnh Thái Bình;*
*- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;*
*- Lưu HCTP*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thế Tương**